

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 04-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ
2. Ông Dương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3252/2017/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú số: ấp TIII, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn N và bà Đinh Thị Út N; vợ Huỳnh Thị D; bị cáo có 02 người con sinh năm 2014 và sinh năm 2017; tiền án: có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 24/2016/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre; tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ lớn lên sống chung với gia đình, đi học hết lớp 09 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình, lập gia đình và sinh sống tại ấp TIII, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ngày 10 tháng 5 năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm và tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 10 tháng 5 năm 2017 (chưa được xóa án tích). Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản nên bị khởi tố để điều tra.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 37 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

- Người bị hại: Nguyễn N, sinh năm 1993, ĐKTT: ấp TA, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Tuấn A, sinh năm 1993, ĐKTT: ấp KB, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Nguyễn Trường G, sinh năm 1990, ĐKTT: ấp TI, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Đỗ Văn H, sinh năm 1985, ĐKTT: ấp TB, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2017, sau khi khảo sát địa điểm bơm cát ở khu vực thuộc xã Hòa Lợi, huyện P, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô để về nhà của mình tại ấp TIII, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đến đoạn lộ bê tông thuộc ấp Quí Thuận A, xã Hòa Lợi, Đ thấy xe mô tô loại Air Blade, biển số kiểm soát 59U1-900.45 của chị Nguyễn N, sinh năm 1993, ngụ ấp TA, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre, dừng ở sân nhà cách lộ bê tông khoảng 01m, trên xe có sẵn chìa khóa và không có người trông giữ. Lúc này, Đ nghĩ rằng trong cốp xe có tài sản nên nảy sinh ý định lấy trộm. Đ liền đi đến mở cốp xe ra và lấy 01 túi xách màu đen rồi lên xe của mình tiếp tục điều khiển về nhà. Chạy được một đoạn, Đ dừng xe lại và kiểm tra túi xách thì thấy bên trong có 2.500.000 đồng tiền Việt Nam (gồm 05 tờ polime mệnh giá 500.000 đồng/01 tờ), 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng đồng, chưa gắn thẻ sim cùng một số giấy tờ khác. Đ lấy số tiền và chiếc điện thoại nêu trên, số giấy tờ còn lại và túi xách, Đ ném xuống sông. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Nhân phát hiện mình bị mất túi xách và số tài sản nêu trên nên trình báo cơ quan Công an. Riêng Nguyễn Văn Đ, sau khi lấy được tài sản, Đ sử dụng tiền đã trộm được để tiêu xài cá nhân. Đối với điện thoại di động, do có cài đặt mật khẩu nên Đ mang đến cửa hàng điện thoại di động Tứ Hải (tọa lạc tại ấp TB, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre) yêu cầu anh Đỗ Văn H (là chủ cửa hàng) cài đặt lại để mang về sử dụng.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 9 năm 2017, Đ nhờ Nguyễn Trường G (là bạn của Đ), sinh năm 1990, ngụ ấp Xương Thới I, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre đến cửa hàng điện thoại di động Tứ Hải lấy dùm Đ điện thoại nêu trên thì bị lực lượng Công an phát hiện. Qua làm việc Nguyễn Trường G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã mời Nguyễn Văn Đ đến làm việc và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng đồng, số IMEI 1 là 356446080785715 và số IMEI 2 là 356447080785713. Qua định giá, Hội đồng định giá tài sản huyện Thạnh Phú xác định giá trị chiếc điện thoại di động nêu trên là 5.841.000 đồng. Ngoài ra, ngày 28 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Văn Đ tự nguyện giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú số tiền 2.500.000 đồng.

Tất cả tài sản nêu trên đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú trao trả cho người bị hại Nguyễn N theo biên bản về việc trả tài sản ngày 09 tháng 10 năm 2017.

Tại bản cáo trạng số 37/KSĐT-KT, ngày 23-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Nguyễn N đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Tuấn A không có yêu cầu nên đề nghị Tòa không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Quá trình điều tra người bị hại Nguyễn N không có yêu cầu về trách nhiệm hình sự; về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Tuấn A không có yêu cầu gì.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận hành vi là với động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 15 giờ ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại ấp Quý Thuận A, xã Hòa Lợi, huyện P, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn Đ đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 Pro có giá trị 5.841.000đ (Năm triệu tám trăm bốn mươi một ngàn đồng) và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam của chị Nguyễn N đem về sử dụng và tiêu xài cá nhân như phần trên đã nêu. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 8.341.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[6] Tuy nhiên, xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: bị cáo Nguyễn Văn Đ sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông bác là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương. Do đó đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[7] Bị cáo Nguyễn Văn Đ có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có nhân thân xấu, đang có tiền án về “tội Trộm cắp tài sản” nhưng không biết cải sửa mà còn tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Nguyễn N đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Tuấn A không yêu cầu nên không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Nguyễn N đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Tuấn A không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

DƯƠNG VĂN PHÚC – PHẠM MINH ĐẠT

CAO THANH MINH